BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT III

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp
STC : 5(75,0,0,0,0,0)
Lần thi : 1
Lớp :
Năm học : 2013-2014
Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Quỳnh	Như	3572011597	24/04/1993	4,00	6,50	5,80	
2	Dương Công	Lâm	3572020085	01/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
3	Lê Bá	Duy	3572050501	08/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
4	Phạm Tuấn	Vũ	3671010132	18/08/1991	5,50	5,80	5,70	
5	Bùi Đình	Bắc	3671011999	28/11/1993	6,50	4,50	5,10	
6	Nguyễn Phúc	Khang	3672010833	05/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
7	Mạch Huy	Vương	3672011026	07/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
8	Trần Ngọc My	Hương	3673010848	24/01/1993	,00	,00	,00	CT
9	Nguyễn Ngọc Minh	Tân	3673011836	24/06/1994	5,50	7,50	6,90	
10	Hồ Tiến	Việt	3773010012	12/02/1995	2,00			
11	Hồ Trọng	Nhân	3773010053	13/07/1995	4,50	4,00	4,20	
12	Nguyễn Lê Hà	Linh	3773010072	02/05/1994	2,50	4,50	3,90	
13	Lê Thị Kim	Ngân	3773010105	19/01/1995	2,50	3,50	3,20	
14	La Tuấn	Cường	3773010116	13/04/1995	2,00	,50	1,00	
15	Ngô Thị Thùy	Trang	3773010163	31/03/1995	3,00	4,50	4,10	
16	Trần Thị Tuyết	Nhung	3773010167	25/02/1993	3,50	3,00	3,20	
17	Trần Thị Yến	Nhi	3773010178	22/05/1995	2,00	3,00	2,70	
18	Võ Tiến	Lợi	3773010205	28/07/1995	8,00	6,50	7,00	
19	Nguyễn Trần Thùy	Trang	3773010231	05/05/1995	3,50	6,50	5,60	
20	Nguyễn Thị Kim	Luyến	3773010254	05/05/1995	2,50	6,80	5,50	
21	Trần Thị Giao	Linh	3773010259	24/04/1995	,00	,00	,00	CT
22	Lê Quang	Minh	3773010273	19/08/1995	2,00	3,50	3,10	
23	Lê Thành	Chí	3773010288	23/04/1995	,00	,00	,00	CT
24	Võ Hồng	Phúc	3773010289	11/11/1995	1,00	4,00	3,10	
25	Phạm Diệp	Thi	3773010301	17/06/1995	2,50	2,00	2,20	
26	Trịnh Mỹ	Loan	3773010302	02/07/1994	3,00	4,00	3,70	
27	Võ Thị	Kiều	3773010311	05/10/1995	5,00	5,00	5,00	
28	Phạm Thị Bích	Huy	3773010313	10/10/1995	3,50	6,80	5,80	
29	Phạm Ngọc	Diễm	3773010320	07/06/1995	4,50	2,50	3,10	
30	Trần Ngọc	Hân	3773010322	15/09/1991	6,00	8,00	7,40	
31	Võ Thị Thái	Bình	3773010342	21/07/1995	3,50	6,00	5,30	
32	Bùi Văn	Công	3773010435	31/10/1995	4,50	5,30	5,10	
33	Từ Thị Thanh	Tâm	3773010465	21/12/1995	4,50	4,50	4,50	
34	Huỳnh Thị Lan	Chi	3773010472	07/08/1994	2,00	1,00	1,30	
35	Nguyễn Thị	Hanh	3773010477	29/10/1995	5,50	8,00	7,30	

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp | STC : 5(75,0,0,0,0,0) | Lần thi : 1

Lớp : | Năm học : 2013-2014 | Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Triều	Nghi	3773010499	31/03/1995	5,50	4,50	4,80	
37	Trương Phú	Dưỡng	3773010505	28/12/1994	2,00	5,30	4,30	
38	Trương Thanh	Hiền	3773010507	25/04/1995	3,50	1,00	1,80	
39	Phan Thị	Thơm	3773010521	04/10/1995	2,50	6,00	5,00	
40	Nguyễn Thị Yến	Linh	3773010610	23/08/1995	2,00	3,00	2,70	
41	Võ Thiên	Duyên	3773010642	12/06/1994	3,50	1,50	2,10	
42	Trần Y	Vũ	3773010683	21/08/1995	2,00	3,80	3,30	
43	Huỳnh Thị Thanh	Trà	3773011060	19/09/1994	3,00	3,00	3,00	
44	Lâm Bảo	Ngọc	3773011143	04/07/1995	3,00	2,00	2,30	
45	Cao Ngọc Phương	Nhi	3773011147	20/06/1995	2,00	3,50	3,10	
46	Huỳnh Thị Thúy	An	3773011196	26/05/1995	,00	,00	,00	CT
47	Nguyễn Thị	Tình	3773011239	10/12/1995	6,00	8,50	7,80	
48	Nguyễn Thị Bích	Duyên	3773011246	14/10/1995	5,50	2,50	3,40	
49	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh	3773011283	26/08/1995	3,50	3,00	3,20	
50	Nguyễn Thị Linh	Đa	3773011294	26/12/1995	,00			
51	Nguyễn Thị	Hạnh	3773011299	08/08/1994	5,00	2,00	2,90	
52	Nguyễn Viết	Vương	3773011318	25/02/1995	3,00	3,00	3,00	
53	Trần Thanh	Hải	3773011324	29/04/1995	,00			
54	Nguyễn Thanh	Hoàng	3773011327	26/10/1995	,00			
55	Trần Thị Trà	Mi	3773011348	17/06/1994	6,50	8,00	7,60	
56	Lê Thị Hà	Phương	3773011357	16/05/1995	2,50	3,00	2,90	
57	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	3773011380	17/06/1995	3,00	5,00	4,40	
58	Bùi Thị Tuyết	Hoa	3773011385	11/07/1995	2,50	2,00	2,20	
59	Hồng Gia	Nhi	3773011399	17/11/1995	3,50	6,80	5,80	
60	Hồ Thị Thúy	Duyên	3773011403	28/08/1995	4,50	6,30	5,80	
61	Lê Xuân	Thắng	3773011414	20/10/1995	2,00	3,00	2,70	
62	Vũ Hồng	Tiến	3773011431	17/04/1995	2,00	,50	1,00	
63	Hà Hoàng Cẩm	Tú	3773011433	03/07/1995	4,00	6,20	5,50	
64	Nguyễn Minh	Hiếu	3773011454	06/07/1995	,00			

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)